Từ ngữ Phật học thường dùng Nhật-Việt (Cư sĩ Minh Thông)

Từ điển — tra cứu lẻ

PhÀn NhÆt – ViŒt

Agyo ---> HuÃn lŒnh ---> Master's instruction Bassui Zenji (J) ---> Båt ñ¶i ThiŠn sÜ Ai ---> Hòa Bassui-Zenji ---> Båt ñ¶i ThiŠn sÜ Aikuázan ---> A døc vÜÖng sÖn ---> Ayuwang-Be'en ---> BiŒn Viên ---> Viên Nhï BiŒn Viên shan (C) Bemmeiron ---> BiŒn minh luÆn Ajari ---> A xà lê Benchubenron ---> BiŒn trung biên luÆn akaliko ---> Phi th©i Bendá ---> BiŒn Çåo Aku-byodo ---> ñÒng nhÃt giä Bendo-miroku ---> Amida ---> A Di ñà PhÆt Bendáhá ---> BiŒn Çåo pháp Amida-butsu ---> A di Çà PhÆt Bendáwa ---> BiŒn Çåo thoåi Amidabutsu ---> A di Çà PhÆt ---> Amida Bettoshiki ---> Buddha Bodai-Daruma ---> BÒ ñŠ ñåt Ma Amida's-Dharma ---> Pháp cûa PhÆt A di Çà --- Bodai-Shin ---> ñåi giác ---> Great enlightenment > Amitäbha-dharma (S) Bodai-shin ---> BÒ ÇŠ tâm ---> Bodhicitta (S) Amida-samädhi ---> A di Çà tam mu¶i ---> Bokuju-chinsonshuku ---> Møc Châu TrÀn Tôn Amitäbha-samädhi (S) Túc Amitabutsu ---> A di Çà PhÆt Bokuseki ---> M¥c Tí ch Amitakyo ---> A di Çà Kinh ---> Amitabha Sutra Bokushü-Chinsonshuku ---> Møc Châu TrÀn Ango ---> An cÜ Tôn Túc Angya ---> Hành cÜ§c Bokushu-Domei ---> Møc Châu TrÀn Tôn Túc Anjin ---> An tâm Bokushu-Domyo ---> Møc Châu TrÀn Tôn Túc Anjin-rondai ---> ---> Points of Faith Bompu ---> Phàm phu ---> Bonpu (J) Ankoku-ji ---> An quÓc t¿ Bonná ---> PhiŠn não Annyo ---> An dÜ«ng ---> Peace and provision --- Bonpu ---> Phàm phu > C¿c låc Bonpu-zen ---> Phàm phu thiŠn Anshin ---> An tâm ---> Peace of mind ---> Anjin Bosatsu ---> BÒ tát (J) Anyáin ---> An dÜ«ng viŒn Boshuku-do-mei ---> Møc Châu ñåo Minh Anzen ---> An thiŠn Bosso ---> PhÆt t° Baisen-ji ---> Mai TuyŠn t¿ Botsudan ---> Bàn th© PhÆt Banka ---> Kinh chiŠu ---> Evening Sutra Budda-ji ---> PhÆt Çà t¿ recitation Buddhehparatah ---> Tr¿c giác ---> Intuition Bankei-Eitaku ---> Bàn Khuê Vï nh Trác ---> Buddhi ---> Trí huŒ ---> Intelligence ---> Bankei Osho (J), Bankei Yotaku (J) Buddhatä (P) Bankei-Áshá ---> Bàn Khuê Hoà ThÜ®ng Bukan ---> Phong Can Bankei-Yátaku ---> Bàn Khuê Vï nh Trác Bukkho ---> PhÆt Quang Bankoku ---> Vån quÓc Bukko-Kokushi ---> PhÆt Quang QuÓc SÜ Banmin-tokuyá ---> Vån Dân ñÙc Døng Bukká-Zenji ---> PhÆt Quang thiŠn sÜ Bansan ---> Kinh tÓi Bukká-ha ---> PhÆt Quang phái Banzan-Háshaku ---> Bàn SÖn Bäo Tí ch ---> Bukkyá ---> PhÆt giáo Panshan Baoji (C) Bunan ---> Vô nan Banzui ---> Vån trung Buppá ---> PhÆt pháp Bashá ---> Ba Tiêu ---> Tùng Vï Ba Tiêu Buppá-daimeiroku ---> PhÆt pháp ñåi minh løc Bashá-Eshá ---> Ba Tiêu HuŒ Thanh ---> Bajiao Bushidá ---> Võ sï Çåo Huiqing (C) Bushun-shiban ---> Vô ChuÄn SÜ Phåm ---> BashoYesei ---> Ba Tiêu HuŒ Thanh Wuzhun Shifan (C) Baso-Doitsu ---> Mã t° ñåo nhÃt Bushun-Shihan ---> Vô ChuÄn SÜ Phåm Bassui-Tokushá ---> Båt ñ¶i ñ¡c Th¡ng ---> Busshin ---> PhÆt thân Busshin-há ---> PhÆt tâm pháp

PhÀn NhÆt – ViŒt

Busshin-in ---> Tâm Ãn Chisha-daishi ---> Trí giä ñåi sÜ Busshin-shü ---> PhÆt tâm tông chod ---> C¡t ---> Cut Busshá ---> PhÆt tánh Cháen-ji ---> TrÜ©ng Viên t¿ Busshá-kü ---> PhÆt tánh không Chágen ---> Tr†ng Nguyên Busshá-mu ---> PhÆt tánh vô Chokaku-ji ---> TrÜ©ng Låc t¿ Busshá-u ---> PhÆt tánh hi‹u Chokei-Daian ---> TrÜ©ng Khánh ñåi An Bussá ---> PhÆt tæng Chákei-Eryá ---> TrÜ©ng Khánh HuŒ Lãng Busso-sankyá ---> PhÆt T° tam kinh Chokushimon ---> S¡c s° môn Butchi-kásai-zenji ---> PhÆt Trí Ho¢ng T‰ thiŠn Cháraku-ji ---> TrÜ©ng Låc T¿ sÜ Chorinmnobosatsu ---> ñÌ nh luân vÜÖng bÒ tát Butsu ---> PhÆt Chárá ---> TrÜªng lão Butsuda ---> PhÆt ñà Chorten ---> Tháp Butsu-da ---> PhÆt Chosa-Shin ---> TrÜ©ng Sa Cänh SÀm Butsu-dan ---> PhÆt Çàn Chásetsu-Yüsai ---> TrÜÖng Chuy‰t Tú Tài Butsuden ---> PhÆt ÇiŒn Chosha-Keijin ---> TrÜ©ng Sa Cänh SÀm Butsu-den ---> PhÆt ÇiŒn Chosha-Keujin ---> TrÜ©ng Sa Cänh SÀm Butsu-dá ---> PhÆt Çåo Cháshá-ji ---> TrÜ©ng Th¡ng t¿ Butsudo ---> PhÆt pháp Chosui ---> TØ HuyŠn Butsugen-zenji ---> PhÆt Nhãn thiŠn sÜ Choyu ---> TrÜÖng LÜÖng Butsugen-ha ---> PhÆt Nhãn phái Chüdá ---> Trung Çåo Butsumo ---> PhÆt mÅu Chugan-Engetsu ---> Trung Nham Viên NguyŒt Butto-Kokushi ---> ThiŠn sÜ Chühá-Myáhon ---> Trung Phong Minh Bän Byakue-Kannon ---> BÒ tát Quán th‰ âm ---> Chühá-ha ---> Trung Phong phái Avalokitesvara (S) ---> Bách Y Quan âm Dai-funshi ---> ñåi quy‰t ---> Great Byádá ---> Bì nh Ç£ng determination Byádá-kan ---> Bì nh Ç£ng quan Dai-gidan ---> ñåi nghi ---> Great doubt Cha-bana ---> Trà hoa Dai-shinkon ---> ñåi tí n ---> Great faith Cha-dá ---> Trà Çåo Daian-ji ---> ñåi An t¿ Chado ---> Trà Çåo ---> Tea ceremony Daian-jin ---> ñåi an tâm Cha-hitsu ---> Trà thÃt Daibai-Hoho ---> ñåi Mai Pháp ThÜ©ng Cha-ire ---> Trà nhÆp Daibai-Hojo ---> ñåi Mai Pháp ThÜ©ng ---> Cha-jin ---> Trà nhân Tamai Fa-cheng (C) Cha-kin ---> Trà cân Daibutsu ---> TÜ®ng PhÆt ---> Buddha statue Chang-Ching-Hui-leng ---> TrÜ©ng Khánh HuŒ Daibutsu-ji ---> ñåi PhÆt t¿ lãng ---> Chokei Eryo (J) Daichi-sokei ---> ñåi Trí T° K‰ Cha-shaku ---> Trà tiêu Daichidoron ---> ñåi Trí Ç¶ luÆn Cha-tei ---> Trà Çì nh Daichü-Sáshin ---> ñåi Trùng Tông SÀm Cha-wan ---> Trà uy‹n Daie-Sáká ---> ñåi TuŒ Tông Cäo Chidon-Küshá ---> Si ñ¶n Không Tí nh Daigaku ---> ñåi h†c Chigi ---> Trí Khäi Dai-gidan ---> ñåi nghi Çoàn Chigotsu-Daie ---> Si NgÓc ñåi HuŒ Daigu-ryákan ---> ñåi Ngu LÜÖng Khoang Chiji-shingi ---> Tri s¿ thanh qui Daigu-Sáchiku ---> ñåi Ngu Tông Trúc Chimon-Káso ---> Trí Môn Quang T¶ Daihatsu-Nehangyá ---> ñåi bát Ni‰t bàn kinh Chinso ---> ñÌ nh tÜ§ng Daiho-kobutsu-kegonky ---> ñåi PhÜÖng Chiren-In ---> NhÃt Liên ViŒn Quäng PhÆt Hoa Nghiêm kinh Chisha ---> Trí Giä ---> Trí Khäi Daihon-zan ---> ñåi bän sÖn Daiji-ji ---> ñåi tØ t¿

PhÀn NhÆt – ViŒt

Daijá ---> ñåi thØa ---> Mahäyäna (S) Danrin ---> ñàn Lâm Daijá-Kishinron ---> ñåi thØa khªi tí n luÆn Danrin-ji ---> ñàn Lâm t¿ Daijá-ji ---> ñåi thØa t¿ Daosheng ---> ñåo Sinh Daijoshogoron ---> ñåi thØa Trang nghiêm luÆn Daoshi ---> ñåo sÜ Daikaku-zenji ---> ñåi Giác thiŠn sÜ Daosui ---> ñåo Thúy Daikaku-zenji-goroku ---> ñåi Giác thiŠn sÜ Daraëé ---> ñà la ni ng» løc Daruma ---> BÒ ÇŠ ñåt ma Daikaku-ha ---> ñåi Giác phái Den'e ---> TruyŠn y bát Daikan-Zenji ---> ñåi Giám thiŠn sÜ Dengyá-dai-shi ---> TruyŠn Giáo ñåi sÜ Daikan-ha ---> ñåi Giám phái Dengyo-Daishi ---> TruyŠn Giáo ñåi sÜ

Daiká-ji ---> ñåi Quang t¿ Denká-roku ---> TruyŠn quang løc Daikya-Áshá-goroku ---> ñåi Giáo hòa thÜ®ng Denshin-háyá ---> TruyŠn tâm pháp y‰u ng» løc Dilun ---> ñÎ a luÆn phái Daikyá-in ---> ñåi Giáo viŒn Dá ---> ñåo ---> Dao (C) Daikyü-shánen ---> ñåi HÜu Chí nh NiŒm Dofuku ---> ñåo Phó Daimin-Kokushi ---> ñåi Minh QuÓc sÜ Dágen ---> ñåo Nguyên Daimoku ---> Nam mô Pháp hoa kinh Dágen-Áshá-károku ---> ñåo Nguyên Hòa Daimy-ji ---> ñåi Minh t¿ thÜ®ng quäng løc Dainichi-Nánin ---> ñåi NhÆt Næng NhÅn Dágen-shamon ---> ñåo Nguyên Sa môn Dainichi-kyá ---> ñåi NhÆt kinh Dágen-Zenji ---> ñåo Nguyên thiŠn sÜ ---> ñåo Dainin-kokusen ---> ñåi NhÅn QuÓc Tiên Nguyên Hy HuyŠn Daiá-Kokushi ---> ñåi ng QuÓc sÜ Dágá-Enchi ---> ñåo Ng¶Viên Trí Daiáshá ---> ñåi Hòa thÜ®ng Doiku ---> ñåo Døc Dairyo-gumon ---> ñåi LiÍu Ngu môn Dáitsu ---> ñåo NhÃt ---> Mã T° ñåo NhÃt Daisen'in ---> ñåi Tiên viŒn Dájá ---> BÒ ÇŠ Çåo tràng ---> Bodhi-maëdala Daisetsu-Soná ---> ñåi Chuy‰t T° Næng (S)

Daishi ---> ñåi sÜ ---> Great master Dájuku ---> ñÒng túc Dai-shinkon ---> ñåi tí n cæn Dokuçan ---> ñ¶c tham Daishá-ji ---> ñåi Thánh t¿ Doku-sesshin ---> ñ¶c ti‰p tâm Daishü-Ekai ---> ñåi Châu HuŒ Häi Dokyo-Etan ---> ñåo Kí nh HuŒ ñoan Daiten-Hotsu ---> ñåt thiên Bäo ñ¶ng Donki ---> ñàm Hi Daitetsu-Sárei ---> ñåi TriŒt Tông Lï nh Dosan-Ryokai ---> ñ¶ng SÖn LÜÖng Gi§i Daito ---> ñåi ñæng QuÓc SÜ Dosen ---> ñåo Tuyên phái ---> Daoxuan (C) Daitá-Kokushi ---> ñåi ñæng QuÓc sÜ Dosen-Bin'eki ---> Pháp Nhãn Væn ´ ch Daitoku ---> ñåi ÇÙc Dásen-risshi ---> ñåo Tuyên LuÆt sÜ Daitoku-ji ---> ñåi ñÙc t¿ Dosha-Chogen ---> ñåo Giä Siêu Nguyên Daitokuji ---> Chùa ñåi ñÙc Dáshin ---> ñåo Tí n ---> ñåo tâm Daitoku-ji-ha ---> ñåi ñÙc T¿ phái Dáshá ---> ñåo Sanh ThiŠn sÜ ---> ñåo Chiêu Daitároku ---> ñåi Çæng løc Dáson ---> ñåo Ti‰n Daiye-Soko ---> ñåi HuŒ Tông Cäo E-há ---> Y pháp Daizui ---> ñåi Tùy Eichá ---> Vinh TriŠu Daizui-Háshin ---> ñåi Tùy Pháp Chân Eifuku-an ---> Vï nh Phúc am Dan-gyá ---> ñàn kinh ---> Fa-pao-t'an-ching (C) Eifuku-ji ---> Vï nh Phúc t¿ ---> Pháp bäo Çàn kinh Eigan-ji ---> Anh Nham t¿ Danka ---> ñàn gia Eigen-ji ---> Vï nh Nguyên t¿ Dannotsu ---> ñàn viŒt Eihei-károku ---> Vï nh Bì nh quäng løc

PhÀn NhÆt – ViŒt

Eihei-shingi ---> Vï nh Bì nh thanh qui Fuke ---> Ph° Hóa Eihei-ji ---> Vï nh Bì nh t¿ Fuke-shü ---> Ph° Hóa tông ---> Ph° Hóa tông Eihei-ji-sanso-gyágáki ---> Vï nh Bì nh t¿ tam t° Fuketsu-Ensh ---> Phong HuyŒt Diên Chi‹u hành nghiŒp kš Fuketsu-Enshá ---> Phong HuyŒt Diên Chi‹u Eihei-ji-han ---> Vï nh Bì nh t¿ bän Fukuda-gyákai ---> Phúc ÇiŠn hành gi§i Eiho-ji ---> Vï nh Bäo t¿ Fukusai-ji ---> Phúc t‰ t¿ Eiko-ji ---> Vï nh HÜng t¿ Fukuzawa-yukichi ---> Phúc Trách Dø Ki‰t Eisai-myáan ---> Vinh Tây Minh Am Fumbetsu ---> Phân biŒt Eisai-Zenji ---> Vinh Tây ThiŠn sÜ Fumetsu ---> BÃt diŒt Eishá-ji ---> Vï nh TÜ©ng t¿ Fumon'in ---> Ph° Môn viŒn Ejá ---> Hoài Trang Fumon-ji ---> Ph° Môn t¿ Eka ---> HuŒ Khä Fun'yo-Zensho ---> PhÀn DÜÖng ThiŒn Chiêu Ekai-Mumon ---> HuŒ Khai Vô Môn Funyá-zenshá ---> PhÀn DÜÖng ThiŒn Chiêu Ekan ---> Hoài Giám Furuta-oribe ---> C° ñiŠn ChÙc B¶ Ekkei-shuken ---> ViŒt Khê ThÓn Khiêm Fushiryo ---> BÃt tÜ lÜ®ng (tâm) ---> Not thinking Eko ---> TruyŠn thØa công ÇÙc Fushizen-fushiaku ---> BÃt tÜ thiŒn, bÃt tÜ ác Emmyá ---> Viên Minh Fushá ---> BÃt

sinh E-myo ---> HuŒ Minh Fushá-kokushi-goroku ---> Ph° Chi‰u QuÓc Engakeji ---> Viên Giác T¿ sÜ ng» løc Engaku ---> Viên giác Fushá-kokushi-hágo ---> Ph° Chi‰u QuÓc sÜ Engaku-ji ---> Viên giác t¿ pháp ng» Engaku-kyo ---> Viên Giác kinh Füsu ---> Phó t¿ Engo-Kokugon ---> Viên Ng¶ Kh¡c CÀn Fuyo-Dokai ---> Phù Dung ñåo Khäi Engyá ---> Viên giáo Fuzan-Genshutsu ---> Phû SÖn HuyŠn Chuy‰t Enkan-Seian ---> Diêm Quan TŠ An Gaki ---> Ngå qu› Enmitsu-Zenkai ---> Viên mÆt thiŠn gi§i Gangá-ji ---> Nguyên HÜng t¿ Enni-ben'en ---> Viên Nhï BiŒn Viên Ganjin ---> Giám Chân Ennin ---> Viên Nhân Gantá-Zenkatsu ---> Nham ñÀu Toàn Hoát Enná ---> Viên Næng Garan ---> Già lam Enå ---> HuŒ Næng Çåi sÜ Garan-há ---> Già lam pháp E'no ---> HuŒ Næng Gasan--jáseki ---> Nga SÖn ThiŠu Thåc Enryakuji-Temple ---> Gasshá ---> HiŒp chÜªng Enso ---> Viên tÜ§ng ---> Round shape Gatsurin-Shikan ---> NguyŒt Lâm SÜ Quán Entsu-ji ---> Viên Thông t¿ Ge-ango ---> Hå an cÜ Enyü-ji ---> Viên Dung t¿ Gedatsu ---> Giäi thoát ---> Giác ng¶ Enzü-dai-á-kokushi-goroku ---> Viên Thông Gedá ---> Ngoåi Çåo ñåi ng QuÓc sÜ ng» løc Gedo-zen ---> Ngoåi Çåo thiŠn E-on ---> HuŒ ViÍn Geju ---> KŒ tøng Erin-ji ---> HuŒ Lâm t¿ Genjo-Sanzo ---> HuyŠn Trang Esshü-Kempá ---> ViŒt Châu Càn Phong Genju ---> HiŠn Thû Etsu ---> DuyŒt Genjü-ha ---> HuyÍn Trø phái Fudaishi ---> Phó ñåi Sï Genkaku-Cho ---> HuyŠn Giác TrÜng Fudá-Myáá ---> BÃt ñ¶ng Minh VÜÖng Genkaku-Yoka ---> HuyŠn Giác Vï nh Gia Füga ---> Phong nhã Gensaku ---> HuyŠn Sách Fugen ---> Ph° HiŠn BÒ tát Gensha-shibi ---> HuyŠn Sa SÜ BÎ Fukasetsu ---> BÃt khä thuy‰t Genso ---> NhÆp th‰ ---> Returning

PhÀn NhÆt – ViŒt

Gensoku ---> HuyŠn T¡c Hara ---> ñan ÇiŠn Geshin ---> Nguyên Tí n Haryá-Kákan ---> Ba Læng Häo Ki‰m Gettan-sáká ---> NguyŒt Am Tông Quang Hatsu ---> Bát Gettan-zenka ---> NguyŒt Am ThiŒn Quä Heikan ---> B‰ quan Gida-ji ---> Kÿ ñà t¿ Hekigan-roku ---> Bí ch nham løc Gijimnikkyo ---> Giäi thâm mÆt Kinh Hekiganshü ---> Bí ch Nham Løc Gijo ---> Nghï a TÎ nh Hiei-zan ---> TÌ DuŒ sÖn Gikai ---> Nghï a Gi§i Hi-shiryá ---> BÃt khä tÜ nghÎ Giku ---> Nghï a Không Há-ko-ji ---> Bàng cÜ sï Gimoku-genkai ---> Nghi M¥c HuyŠn Kh‰ Hobo-Kokumon ---> ñâu Phong Kh¡c Vân Gisan-Zenrai ---> Nghi SÖn ThiŒn Lai Hobodan-gyo ---> Pháp Bäo ñàn kinh Gishin ---> Nghï a Tí n Há'e ---> Pháp y ---> Cà sa Gá ---> NghiŒp Hofufu-Juten ---> Bäo PhÜ§c Tòng Tri‹n Godai-zan ---> NgÛ ñài sÖn Hágen-Bun'eki ---> Pháp Nhãn Væn ´ ch Godá-Jákan ---> NgÛ Phong ThÜ©ng Quán Hágo ---> Pháp ng» Gofuku ---> Hàng phøc pháp Hoji-Bunkin ---> Báo TØ Væn Khâm Gogá-an ---> NgÛ HiŒp am Hájin ---> Báo thân Gohá-Jákan ---> NgÛ Phong ThÜ©ng Quán Hájá ---> PhÜÖng trÜ®ng Gohá-Kaion ---> NgÛ Phong Häi Âm Hoke-kyá ---> Pháp hoa kinh Go-i ---> NgÛ vÎ Hokke-zammai ---> Pháp Hoa Tam Mu¶I Goke-Shichi-shü ---> NgÛ gia thÃt tông Hokke-kyá ---> DiŒu Pháp liên hoa kinh Gokuraku ---> C¿c låc ---> Pureland (E), Hokkyo ---> Kinh DiŒu Pháp Liên hoa Sukhavati (S) Hokoji ---> Bàng UÄn Goku-Raku-ji ---> C¿c Låc t¿ Hokufu ---> Bäo PhÜ§c Tòng Tri‹n Gongai-Sáchü ---> Ngôn Ngoåi Tông trung Hokushü-zen ---> ThiŠn B¡c tông ---> Pei-tsung Goroku ---> Ng» løc ch'an (C), Beizongchan (C) Goso-Háen ---> NgÛ t° Pháp DiÍn Hákyá-zanmai ---> Bäo cänh tam mu¶i Gottan-Funei ---> Ng¶t Am Ph° Ninh Hámon ---> Pháp môn Gozan ---> NgÛ sÖn Honen ---> Pháp Nhiên Gozan-Sárin ---> NgÛ SÖn tùng lâm Honen-Shonin ---> Pháp

Nhiên ThÜ®ng nhân Gozu ---> NgÜu ñÀu Honenbo-Genku ---> Honenbo Genku Gozu-shü ---> NgÜu ñÀu tông Honganji ---> HÒng quang t¿ Gozu-zen ---> NgÜu ñÀu thiŠn Hongjichanshi ---> Hoàng T‰ ThiŠn sÜ ---> Gunin ---> Ho¢ng NhÅn Kosa Zenjii (J) Gutei ---> Câu Chi Honshi ---> Bän sÜ Gyokuryü-ji ---> Ng†c Long t¿ Horai-no-nemoku ---> Bän lai diŒn møc Haiku ---> Bài cú Hárin-ji ---> Bäo Lâm t¿ Haikyu ---> Bùi HÜu Horyuji ---> Pháp long t¿ Hakuin-ekaku ---> Bách ...n HuŒ Hắc Hoshi ---> Bºu Chí Hakuun-Egyá ---> Bách Vân HuŒ Hi‹u Hossen ---> Pháp chi‰n ---> Dharma dueling Hakuun-Shutan ---> Bách Vân Thû ñoan Hosshin ---> Pháp thân ---> Dharmakäya (S) Hakuun-Yasutani ---> Bách Vân An COc Hosshá ---> Pháp tí nh ---> Dharma nature Hannya ---> Bát nhã Hossá-shü ---> Pháp tÜ§ng tông ---> Fa-sieng- Hannya-Shingyá ---> Bát nhã tâm kinh tsong (C) Hannya-dá ---> Bát nhã ÇÜ©ng Hossu ---> PhÃt tº Hanzan ---> Hàn SÖn Hotei ---> BÓ ñåi Hoto ---> Pháp ñæng

PhÀn NhÆt – ViŒt

Hoyen-Goso ---> Pháp DiÍn NgÛ T° Jodoshinshü ---> TÎ nh Ç¶ ChÖn tông Hui-chin ---> PhÆt ñæng Thû Tuân Jodo-shü ---> TÎ nh Ç¶ tông Hunag-ting-ching ---> Hoàng ñì nh kinh ---> Jájitsu-shü ---> Thành ThÆt tông Huangting Jing (C) Jo-Jitsu-shü ---> Thành thÆt tông Hyakujo-Ekai ---> Bách TrÜ®ng Hoài Häi Jojonin ---> Hyakujo-Isei ---> Ni‰t Bàn Jo-khan ---> ñåi Chiêu Hyakujo-Shingi ---> Bách TrÜ®ng Thanh Quy Járiki ---> ñÎ nh l¿c Ichien ---> NhÃt Viên Jáshin ---> ñÎ nh tâm Ichiji-Fusetsu ---> NhÃt t¿ bÃt thuy‰t Joshojin ---> ThÜ©ng tinh tÃn BÒ tát Ichiji-kan ---> NhÃt t¿ quan Joshojin-Bosatsu ---> ThÜ©ng tinh tÃn BÒ tát Ichinen-tanen-mon'i ---> Joshu-Jushin ---> TriŒu Châu Tùng ThÄm Ichinen-fushá ---> NhÃt niŒm bÃt sinh Jujiron ---> ThÆp ÇÎ a LuÆn Ichinen-mannen ---> NhÃt niŒm vån niên Jüjü-kai ---> ThÆp gi§i Igyá-shü ---> Qui sÖn tông ---> Qui ngÜ«ng Jujukinkai ---> tông Jukai ---> Thø gi§i Ikebana ---> Hoa trì ---> Pond flower Juko ---> Tøng ---> KŒ Ikkyü-Sájun ---> NhÃt HÜu Tông ThuÀn Kadá ---> Hoa Çåo ---> Way of Flowers ---> Ingen-Ryuki ---> ...n Nguyên Long Khí Ikebana (J) Inka-shámei ---> fn khä chÙng minh Kaifuku-Dánei ---> Khai Phúc ñåo Ninh Inshü ---> fn Tông Kaigen ---> Khai nhãn Ippen-Shonin ---> NhÃt Bi‰n ThÜÖng Nhân Kaisan ---> Khai sÖn Isan-Reiyü ---> Quy SÖn Linh H¿u Kaisu ---> Kh‰ Tung Issan-Kokushi-goroku ---> NhÃt SÖn QuÓc sÜ Kakuan ---> Quách Ma ng» løc Kakuan-Shion ---> Khu‰ch Am SÜ ViÍn Jakugo ---> TrÜ§c ng» Kakushin ---> Kakushin ---> Shinchi (C), Shinji Jakuhitsu-Genko ---> ThiŠn sÜ (C)

Jakujá ---> TÎ ch tï nh Kammuryojukyo ---> Kinh Quán vô lÜ®ng th† Jakumetsu ---> TÎ ch diŒt Kanji ---> Khuy‰n Tu t¿ Jakushitsu-Genko ---> TÎ ch ThÃt Nguyên Kanna-zen ---> Khán thoåi thiŠn Quang Kannon ---> Quan Âm ---> Kanzeon (J), Jaräyuja ---> Noãn sinh ---> (S, P) Kwannon (J), Avalokitesvara (S), Kuan-yin (C), Ji ---> Th©i tông Guanyin (C) Jimyo ---> TØ Minh Kanzan ---> Hàn SÖn Jinjippo-Mugeko-Nyora ---> Kanzan-Egen ---> Quan SÖn HuŒ HuyŠn ---> Jinshü ---> ThÀn Tú Hàn SÖn HuŒ HuyŠn Jiriki ---> T¿ l¿c Kanzeon ---> Quan Âm Jishá ---> T¿ tí nh Kasan-Muin ---> Hoà SÖn NgÛ Âm Jishá-shájá-shin ---> T¿ tí nh thanh tÎ nh tâm Kashaku ---> Quäi tí ch Jizá ---> ñÎ a Tång Kassan-Zen'e ---> Giáp SÖn ThiŒn H¶i Jo-do ---> TÎ nh Ç¶ tông Kataku-jin'e ---> Hà Trách

ThÀn H¶i Já-Jáza ---> ñÎ nh ThÜ®ng T†a Kataku-shü ---> Hà Trách Tông Jábutsu ---> Thành PhÆt Katsu ---> Kattá ---> Cát Ç¢ng Jádá ---> Thành Çảo ---> ñ¡c Çảo Kegon ---> Hoa Nghiêm Jodo-school ---> TÎ nh Ç¶ tông Kegon-shü ---> Hoa Nghiêm tông Jádá-Shinshü ---> TÎ nh Ç¶ chân tông Kegonkyo ---> Kinh Hoa nghiêm Jodo-shin-shü ---> TÎ nh Ç¶ tông Kegon-kyá ---> Hoa nghiêm kinh

PhÀn NhÆt – ViŒt

Kegon-shü ---> Hoa nghiêm tông ---> Kegon Koun-Ejo ---> Cô Vân Hoài Trang School Koyá-Seijá ---> HÜng DÜÖng Thanh NhÜ®ng Keihá-Shümitsu ---> Khuê Phong Tông MÆt ---> Kozankoka ---> Hoàng SÖn CÓc Kuei-feng Tsung-mi (C), Guifeng Zongmi (C) Kozen-gokoku-ron ---> HÜng thiŠn h¶ quÓc Keiho-Shumitu ---> Khuê Phong Tôn Mæt luÆn Keizan-Jákin ---> Oánh SÖn ThiŒu CÄn Kü ---> Không ---> Çünyatä (S) Kekka-fusa ---> Ki‰t già phu t†a Kuiji ---> Khuy CÖ Kenchá-ji ---> Ki‰n TÜ©ng t¿ Kükai ---> Không Häi Kendá ---> Ki‰m Çảo Kukyü-Járyü ---> H° Khâu ThiŒu Long Kennin-ji ---> Ki‰n Nhân t¿ Kusha-ron ---> Câu xá luÆn Kenshá ---> Ki‰n tánh Kuya-Shonin ---> Không Dã ThÜ®ng Nhân Kenshá-Jábutsu ---> Ki‰n tánh thành PhÆt Küya-Shánin ---> Không Dã ThÜ®ng Nhân Kentsui ---> KiŠm chùy Kuyo ---> Câu triŒu pháp Kesá-Sádon ---> Hoa TÄu Tông ñàm Kwaido-Soshin ---> HÓi ñÜ©ng T° Tâm Kido ---> HÜ ñÜ©ng Kwanchu ---> ñải TØ Khoan Trung Kimá-tokaku ---> Kim mao thÓ giác ---> Lông Kwannon ---> Quan Âm rùa sØng thÕ Kwazan ---> Hoa SÖn ---> Quan SÖn HuŒ Kimyo-Jinjippo-Mugeko-Nyorai ---> ñŒ tº HuyŠn quy mảng 10 phÜÖng Vô lÜ®ng quang NhÜ lai Kyo ---> Kinh ---> Sütra (S), Sutta (P) Kinhin ---> ThiŠn hành Kyoaiho ---> Kí nh ái pháp Kinzan-Bansui ---> Khâm SÖn Væn Thúy ---> Kyáge-betsuden ---> Giáo ngoải biŒt truyŠn Kinzan Bunsui (C) Kyágen-Chikan ---> HÜÖng Nghiêm Trí Nhàn Kinzan-Bunsui ---> Khâm sÖn Væn Thúy Kyárin-Choon ---> HÜÖng Lâm TrØng ViÍn Kishá-Chijá ---> Qui Tông Trí ThÜ©ng Kyosaku ---> ThiŠn bän Kisu-Chijo ---> Qui Tông Tri ThÜ©ng Kyásei-Dáfu ---> Kí nh Thanh ñảo Phó Ká-nin ---> Ho¢ng NhẢn Kyázan-Ejaku ---> NgÜ«ng SÖn HuŒ TÎ ch Koan ---> Công án ---> (J, K), Kung-an (C) Kyüdá ---> Cung Çảo Koan-Eshá ---> HÜ Am Hoài SÜªng Kyühá-Doken ---> Cºu Phong ñảo KiŠn Kobá-Daishi ---> Ho¢ng Pháp ñải sï Liang-sui ---> LÜÖng Toải ---> Ryosui (J) Kobá-daisu ---> Ho¢ng Pháp Çải sÜ Lu-keng-Tai-fu ---> Løc Hoàn ñải Phu ---> Kobutsu ---> C° PhÆt Riku-ko Taifu (J) Kogonkyo ---> HÆu Nghiêm Kinh Maidá-Sochin ---> HuŒ Th¡ng T° Tâm Káhá ---> Cao Phong DiŒu T° Maidá-soshin ---> HÓi ñÜ©ng T° Tâm Káhá-Kakumyá ---> Cao Phong Giác Minh Maithuna ---> Tì nh thÜÖng Káhá-Kennichi ---> Cao Phong Hi‹n NhÆt Maka-hannyaharamita-shin-gyá ---> Ma ha Koke-Zonsho ---> HÜng Hóa TÒn Trang ---> bát nhã ba la mÆt Ça tâm kinh HÜng Hóa TÒn TÜªng Maka-shikan ---> Ma ha chÌ quán Kokushi ---> QuÓc sÜ Makyá ---> Ma cänh Kokuzo ---> HÜ Không Tảng BÒ tát Mannen-ji ---> Vản niên t¿ Kokyü-Járyü ---> H° Khâu ThiŒu Long mappo ---> Mất pháp ---> End of the dharma Komusá ---> HÜ vô tæng Matsuo-bashá ---> Tùng Vï Ba Tiêu Kongochokyo ---> Kinh Kim cang Çänh Mazi-Daoyi ---> Mã t° ñảo nhÃt Kári-ji ---> Quäng L®i t¿ Meisho ---> Minh Chiêu Korin ---> HÜÖng Lâm Menpeki ---> DiŒn bí ch Kosa-Zenjii ---> Hoàng T‰ ThiŠn sÜ Mikkyá ---> MÆt kinh ---> Tantra (S) Káshü-Tenryü ---> Hàn Châu Thiên Long Mirokou ---> PhÆt Di L¥c Kou-cha-shü ---> Câu

xá tông Miroku ---> Di L¥c

PhÀn NhÆt – ViŒt

Miyamo-Shoson ---> Cung bän chánh tôn Nehan ---> Ni‰t Bàn Mokuan-shátá ---> M¶c Anh Tí nh Thao Nembutsu ---> NiŒm PhÆt Mokushá-zen ---> M¥c chi‰u thiŠn Nembutsu-Samädhi ---> NiŒm PhÆt Tam mu¶i Mondjou-bosatu ---> Væn thù sÜ l®i BÒ tát Nembutsu-shoshin-ge ---> Mondá ---> VÃn Çáp Nen ---> NiŒm Monji ---> Væn t¿ Nichiren ---> NhÆt Liên ---> NhÆt Liên tông Monju ---> Væn Thù Nichiren-Daishonin ---> Moutzu ---> Mâu Tº Nichiren-Shoshü ---> NhÆt Liên tông Mu ---> Không ---> Vô Nichiren-shü ---> NhÆt Liên tông Mu-i ---> Vô vi Nihon-daruma-shün ---> NhÆt Bän ñåt ma Mujaku ---> Vô TrÜ§c ---> Asaëga (S) tông Mujü-Dákyá ---> Vô Trø ñåo Hi‹u Niorai ---> NhÜ Lai Mumon ---> Vô môn quan Nitchiren ---> Nh¿t Liên BÒ tát Mumon-Ekai ---> Vô môn HuŒ Khai ---> Wu- Nitchiren-shü ---> Nh¿t liên tông men Hui-k'ai (C) Nyoi ---> GÆy nhÜ š Mumonkan ---> Vô môn quan Nyo-nyo-chi ---> NhÜ nhÜ trí huŒ Mushotoku ---> Nyorai ---> NhÜ Lai Muso-Kokushi ---> M¶ng SÖn SÖ Thåch Nyorai-zá ---> NhÜ Lai tång Muso-Soseki ---> M¶ng SÖn SÖ Thåch Ábai ---> Hoàng Mai Muzhou-Chenzunsi ---> Møc Châu TrÀn Tôn Ábaku-Kiun ---> Hoàng Bá Hy Væn Túc Ábaku-kiun ---> Hoàng Bá Hy VÆn Myogä ---> Ájin ---> ng thân Myoho-Renge-Kyo ---> Pháp hoa kinh ---> Orategama ---> Båch …n HuŒ Håc Saddharma-puëòaréka-sütra (S), Hoke-kyá (J) Áryá-E'nan ---> Hoàng Long HuŒ Nam Myáhárenge-kyá ---> DiŒu pháp liên hoa kinh Áryá-Enan ---> Hoàng Long HuŒ Nam Myokonin ---> Áryá-ha ---> Hoàng long phái Myokoninden ---> Áryoko ---> Bì nh bát Myoshinji ---> DiŒu Tâm ---> Myoshinji (J) P'ang-yun ---> Bàng UÄn Myoshin-ji ---> DiŒu Tâm t¿ Pikouan ---> Bí ch Quán Myáshinji-ha ---> DiŒu Tâm t¿ phái Rakan ---> La hán Naisan ---> Rakan-Dokan ---> La-hán ñåo-hiŠn Namu ---> Nam mô Rakan-Keijin ---> La Hán Qu‰ Sâm Namu-Amida-Butsu ---> Nam mô A di Çà PhÆt Rakuho ---> Låc PhÓ Namu-sambá ---> Nam mô tam bäo ---> Take Rankei-Dáryü ---> Lan Khê ñåo Long refuge in the three treasures Rathachandra ---> Bäo nguyŒt BÒ tát Nangaku-Ejá ---> Nam TuyŠn Hoài NhÜ®ng Reiun ---> Linh vân Chí Càn Nan'in-Egyo ---> Nam ViŒn HuŒ Ngung Reiun-shigon ---> Linh Vân Chí CÀn Nanin-Egyá ---> Nam ViŒn HuŒ Ngung Rinne ---> Luân hÒi Nan-king ---> Nam Kinh Rinzai ---> Lâm T‰ ---> Lin-chi (C) Nansen-Fugan ---> Nam TruyŠn Ph° NguyŒn --- Rinzai-Gigen ---> Lâm T‰ Nghï a HuyŠn > Nam TuyŠn Ph° NguyŒn Rinzai-roku ---> Lâm T‰ løc Nanshü-zen ---> Nam tông thiŠn Risan ---> LÜ SÖn Nanta-Guangrun ---> Nam Tháp Quang DÛng Ritsu-school ---> LuÆt tông ---> School of Nanto-Koan ---> Nam Tháp Quang DÛng Discipline Nantá-Káyü ---> Nam Tháp Quang DÛng Ritsu-shü ---> LuÆt tông Nan'yá-Echü ---> Nam DÜÖng HuŒ trung Rába-zen ---> Lão bà thiŠn Nanzen-ji ---> Nam ThiŠn t¿

PhÀn NhÆt – ViŒt

Rokudo ---> Løc Çåo ---> Six paths Sensu-Tokujá ---> ThuyŠn Tº ñÙc Thành Rokuso ---> Løc t° ---> Sixth patriarch Seppá-Gison ---> Tuy‰t Phong Nghï a TÒn Rokuso-Daishi ---> Løc t° ñåi sÜ ---> Sixth Sesshin ---> Ti‰p tâm patriarch Sesson-Yübai ---> Tuy‰t Thôn H»u Mai Ráshi ---> Lão sÜ ---> Old-aged monk Setcho-Juchen ---> Truy‰t ñÆu Trùng

Hi‹n Roya-Yekaku ---> HuŒ Giác Lang Gia Setchá-Jüken ---> Tuy‰t ñÆu TrØng Hi‹n Ryága-kyá ---> Læng già kinh Setsuna ---> Sát na Ryogen ---> LÜÖng Nguyên ThiŠn sÜ Shami ---> Sa di ---> Sami(K) Ryágon-kyá ---> Læng Nghiêm kinh Shamon ---> Sa môn Ryosui ---> LÜÖng Toải Shan-hsing ---> ThiŒn Tinh Ryü-Tetsuma ---> LÜu Thi‰u Ma Shaseki-shü ---> Sa thåch tÆp Ryuge ---> Long Nha Shifuku ---> TØ PhÜ§c Ryüge-Konton ---> Long Nha CÜ TuÀn Shifuku-Nyohá ---> TÜ Phúc NhÜ Bäo Ryutan-Shoshin ---> Long ñàm Sùng Tí n Shigen ---> SÜ Nhan Ryutan-Sochin ---> Long ñàm Sùng Tí n Shiguseigan ---> TÙ ho¢ng thŒ nguyŒn Ryütan-sáshin ---> Long ñàm Sùng Tí n Shihá ---> TruyŠn pháp Saichá ---> TruyŠn Giáo Çải sÜ Shikan ---> Trí Quan ---> ChÌ quán Saigo ---> Tây Hành Shikantaza ---> ChÌ quán Çä t†a Sain-Shimyo ---> Tây ViŒn TÜ Minh Shiko ---> Tº H° Sakkyá-ezá ---> Thåch Cûng HuŒ Tång Shiko-Rishá ---> Tº HÒ Lš Tông ---> Tº HÒ L®i Sambá ---> Tam bäo ---> Three Jewels Tung Sammon ---> SÖn môn Shinchi-kakushin ---> Tâm ÇÎ a giác tâm Sampei-Gichü ---> Tam Bì nh Nghï a Trung Shinga ---> Chân Nhã thiŠn sÜ Samu ---> Shingaku ---> Tâm h†c Sanron-shü ---> Tam luÆn tông ---> Sanron Shingetsu-Sháryá ---> Chân Y‰t Thanh LiÍu school Shingon ---> ChÖn ngôn tông Sansho-Enen ---> Tam Thánh HuŒ Nhiên Shingon-shü ---> Chân ngôn tông Sanshá-enen ---> Tam Thánh HuŒ Nhiên Shin-in ---> Tâm Ãn Sansá ---> SÖn tæng Shinjin ---> Tí n tâm Satori ---> Ng¶ ---> Enlightenment ---> Giác ng¶ Shinjinmei ---> Tí n tâm minh Seccho ---> Tuy‰t ñÆu Trùng Hi‹n Shinkü ---> Chân không Seidá-Chizá ---> Tây ñÜ©ng Trí Tång Shinnen ---> Chân Nhiên Seidá-Chizá ---> Tây ñÜ©ng Trí Tång Shinnin ---> Chân nhân Seigen-Gyáshi ---> Thanh Nguyên Hành TÜ Shinnyo ---> Chân nhÜ Seigen-Ishin ---> Thanh Nguyên Duy Tí n Shinran ---> Thân Loan ---> Chân Loan Seikyo ---> Thanh CÜ Shin-shü ---> TÎ nh Ç¶ thÆt tông ---> Shin school -- Seirai-no-i ---> Tây lai š -> Jodo-shin shu (J) Seishimaru ---> Shinshü ---> ChÖn Tông ---> TÎ nh Ç¶ chÖn tông Seiza ---> Shinshu-Daishi ---> Chân Tông ñåi sÜ Sekisá-Keisho ---> Thåch SÜÖng Khánh ChÜ Shintá ---> ThÀn Çåo Sekisá-Soen ---> Thåch SÜÖng Sª Viên Shiran ---> Chân Loan Sekisá-keishá ---> Thåch SÜÖng Khánh ChÜ Shishibodai ---> SÜ Tº BÒ ñŠ Sekitá-Kisen ---> Thåch ñÀu Hi Thiên Shishin-goshin ---> Tº Tâm Ng¶ Tân Sengai-Gibon ---> Tiên Nhai Nghï a Phåm Shitennoji ---> TÙ thiên vÜÖng t¿ Senkan ---> Tuyên Giám Shitenoji ---> TÙ thiên vÜÖng t¿ sensei ---> ThÀy Shá ---> Tí nh

PhÀn NhÆt – ViŒt

Shábágenzá ---> Chánh pháp nhãn tång Tangen-Áshin ---> ñam Nguyên ng Chân Shodaijiron ---> Nhi‰p ñåi thØa luÆn Tanka-Shijun ---> ñàn Hà Tº ThuÀn Shodaijoron ---> Nhi‰p Çåi thØa luÆn Tanka-Tennen ---> ñÖn Hà Thiên Nhiên ---> Shágen-sügaku ---> Tùng Nguyên Sùng Nhåc ñan Hà Thiên Nhiên Shágo ---> ChÙng ng¶ Teihatsu ---> Th‰ phát ---> Shaving Sháichi-goroku ---> Thánh NhÃt ng» løc Tempyo ---> Thiên Bì nh Sháichi-ha ---> Thánh NhÃt phái Tendai ---> Thiên Thai tông ---> T'ien-t'ai (C) Shájá ---> Ti‹u thØa Tendai-shü ---> Thiên Thai Tông Shájá-zen ---> Ti‹u thØa thiŠn Tendai-Tokushá ---> Thiên Thai ñÙc ThiŠu Shoju ---> Chánh Th† Lão Ông Tendai-shü ---> Thiên Çài tông Shákei-Eki ---> ChÜÖng Kí nh Hoài Huy Tendá-Nyojá ---> Thiên ñÒng NhÜ TÎ nh Shákyá-Eki ---> TrÜ©ng Khánh Hoài HuŒ ---> Tendá-zan ---> Thiên ñÒng sÖn ChÜÖng Kí nh Hoài Huy Tenjiku ---> Thiên Trúc Shámyá ---> ThiŒu Minh Tenná

---> Thiên VÜÖng Sháriη-ji ---> Thi‰u Lâm t¿ Tenná-Dágo ---> Thiên Hoàng ñåo Ng¶ Shotoku-taishi ---> Thánh ñÙc Thái tº Ten'o-Dogo ---> Thiên Hoàng ñåo Ng¶ Sháyá-roku ---> Thung dung løc Tenryü ---> Thiên Long Shoyo-roku ---> ñÒng chûng løc ---> Trung Tenzo ---> ñi‹n t†a Dung løc Tenzo-kyákun ---> ñi‹n t†a giáo huÃn Shuan ---> Thû An Tera ---> Chùa ---> Temple Shühá-myáchá ---> Tông Phong DiŒu Siêu Tesshikaku ---> Thi‰t chûy giác Shuko ---> Châu Hoàng Tettsü-Gikai ---> TriŒt Thông Nghï a Gi§i Shükyároku ---> Tông kí nh løc To-fu-kuji ---> ñåi Giác t¿ Shümitsu ---> Tông MÆt To-Impo ---> ñ¥ng …n Phong Shuryoron ---> TÆp lÜ®ng luÆn Todaiji ---> ñÒng Çåi t¿ Shüzan-Shánen ---> Thû SÖn TÌ nh NiŒm Táhá-Anshu ---> ñÒng Phong Am chû Sokusaiho ---> TÙc tai pháp Tokusan-Senkan ---> ñÙc SÖn Tuyên Giám Sásan ---> Tæng Xán Tongo ---> ñÓn ng¶ Soto-shü ---> Tào ñ¶ng tông ---> Ts'ao-tung Tásan-Shusho ---> ñ¶ng SÖn Thû SÖ tsung (C), Caodongzong (C) Tosotsu ---> ñâu suÃt Sotoba ---> Tô ñông Pha Tosotsu-Jüetsu ---> ñâu SuÃt Tùng DuyŒt Sozan-Honaku ---> Tào SÖn Bän TÎ ch Tásu-Daidá ---> ñÀu Tº ñåi ñÒng Sozan-Honjaku ---> Tào SÖn Bän TÎ ch Tásu-gisei ---> ñÀu Tº Nghï a Thanh Sozan-kánin ---> SÖ SÖn Quang Nhân Tázan-Ryákai ---> ñ¶ng SÖn LÜÖng Gi§i Suibi-Mugaku ---> Thúy Vi Vô H†c Tsügen-Jakurei ---> Thông HuyÍn TÎ ch Linh Suigan-Reisan ---> Thúy Nham Linh Nham Tyu-Tetsuma ---> LÜu Thi‰t Ma Sujïäna ---> ThiŒn HuŒ BÒ tát Uango ---> Mùa An cÜ Süsan ---> Tung sÖn ---> Süzan (J) Ukyü ---> Ô C¿u Süzan ---> Tung sÖn Umban ---> Vân bän ---> Umpan (J) Taiba-Hájá ---> ñåi Mai Pháp ThÜ©ng Ummon-Bun'en ---> Vân Môn Væn Y‹n Taiyá-Keigen ---> Thái DÜÖng Cänh HuySn Ummon-Bunyen ---> Vân Môn Væn Y‹n Taizui-Háshin ---> ñåi Tuÿ Pháp Chân Ummon-shü ---> Vân môn tông Takai-Kankai ---> Cao TÌ nh Quán Häi Umpan ---> Vân bän Takuan-sáhá ---> Trách Am Tông Bành Umpo ---> Vân Phong Tamo ---> BÒ ÇŠ ñåt ma Ungan-Donjá ---> Vân Nham ñàm Thånh Tangen-Oshi ---> ñam Nguyên ng Chân Ungo-Dáyá ---> Vân CÜ ñåo Đng

PhÀn NhÆt – ViŒt

Unsui ---> Vân thûy Zazenkai ---> Wanshi-Shágaku ---> Ho¢ng Trí Chí nh Giác Zemban ---> ThiŠn bän ---> Meditation plank Wasan ---> Hòa tán ---> KŒ tøng Zen ---> ThiŠn ---> Meditation ---> Ch'an (C), Watá ---> Thoåi ÇÀu Dhyäna (S), Jhäna (P) Yakusan-Igen ---> DÜ®c SÖn Duy Nghiêm Zen-chishiki ---> ThiŒn tri thÙc ---> Good friend - Yakuseki ---> DÜ®c thåch --> Kalyäëa-mitra (S) Yakushi-Nyorai ---> DÜ®c SÜ PhÆt Zendá ---> ViÍn Công ---> Shan-tao (C) ---> Yaza ---> ThiŠn bu°i tÓi ---> Evening meditation ThiŠn ÇÜ©ng, TiŠn sänh Yeganji ---> Anh nghiêm Zen-en ---> ThiŠn viŒn ---> Zen monastery Yeimmeiho ---> Diên mŒnh pháp Zengen-Chüká ---> TiŒm Nguyên Tr†ng HÜng Yeka ---> HuŒ Khä Zengo ---> TiŒm ng¶ ---> Gradual enlightenment Yeno ---> HuŒ Næng Zenji ---> ThiŠn sÜ ---> Zen master Yeshi ---> HuŒ TÜ Zenjá ---> ThiŠn na ---> Meditation ---> Dhyäna (S), Jhäna (P) Yodainen ---> DÜÖng ñåi Niên Zenjushonin ---> Yogi-ha ---> DÜÖng Kÿ phái Yogi-Hoe ---> DÜÖng Kÿ PhÜÖng H¶i Zenke ---> ThiŠn viŒn ---> Zen temple ---> ThiŠn t¿ Yogishü ---> DÜÖng Kÿ phái Zenna ---> ThiŠn na Yoka-Gengaku ---> Vï nh Gia HuySn Giác Zenrin ---> ThiŠn lâm ---> A forest for meditation Yoka-Genkaku ---> Vï nh Gia HuySn Giác Zensho ---> ThiŒn Tinh Yomeiji ---> Vï nh Minh DiŒn Th† Zenshü ---> ThiŠn tông ---> Zen sect Yámyá-Enju ---> Vï nh Minh Diên Th†

Zenzenju-shonin ---> Yuishiki ---> Duy thÙc Zoyakoho ---> Tæng í ch pháp Zafu ---> T†a cø ---> Meditation cushion Zuigan ---> SÜ Nhan Zaike ---> CÜ sï ---> Layman Zuigan-Shigen ---> ñoan Nham SÜ Nhan ---> Zammai ---> Tam mu¶i Thøy Nham SÜ Ngån Zazen ---> T†a thiŠn ---> Meditation

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.